



THÚC ĐẨY QUẢN LÝ
RỪNG BỀN VỮNG VÀ
THƯƠNG MẠI LÂM SẢN
CÓ TRÁCH NHIỆM



SỔ TAY
HƯỚNG DẪN



2018

SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CHO RỪNG TRỒNG



LỜI MỞ ĐẦU



Mục tiêu chính của quản lý rừng bền vững (QLRBV) là nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả quản lý của chủ rừng đối với khu rừng cụ thể, sử dụng tối đa và bền vững các lợi ích kinh tế, lợi ích môi trường và lợi ích xã hội từ rừng. Các sản phẩm có chứng chỉ QLRBV được mọi thị trường thế giới ưu tiên tiêu thụ và với giá cao. Mặt khác, áp dụng chứng chỉ rừng cũng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường quốc tế về chứng chỉ đối với các sản phẩm gỗ đang ngày càng tăng. Áp lực này càng tăng mạnh khi Việt Nam đã và đang chuẩn bị ký kết nhiều thỏa thuận, hiệp định quốc tế như Lacey, VPA/FLEGT, TPP, v.v.

Theo Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và Quyết định số 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2016 về việc Phê duyệt Đề án thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016-2020, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2020 sẽ có ít nhất 500.000 ha rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trong đó có 350.000 ha là rừng trồng và 150.000 ha là rừng tự nhiên.

Hiện tại trên cả nước mới có khoảng 243.106 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng có trách nhiệm của FSC. Diện tích này chưa đạt 1/2 diện tích đã đề ra. Trên thực tế, hơn 590 doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ có chứng chỉ FSC/CoC

Biên soạn: Lê Thị Lộc - Tư vấn
Lê Văn Bách - Tổng cục Lâm Nghiệp
Nguyễn Tuấn Hưng - Tổng cục Lâm Nghiệp
Lê Thiện Đức - WWF-Việt Nam
Nguyễn Bích Hằng - WWF-Việt Nam

Cuốn sổ tay hướng dẫn này được sản xuất bởi WWF-Việt Nam với sự tài trợ của chính phủ Úc – Đối tác Lâm nghiệp và Thương mại có trách nhiệm châu Á (RAFT) do Chính phủ Úc tài trợ. Nội dung và ý kiến được trình bày trong tài liệu này là của tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm hoặc chính sách của RAFT và không nhất thiết được RAFT phê duyệt.

Ảnh bìa: Xe tải chở keo trong rừng trồng huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
© James Morgan / WWF-Việt Nam

cần gỗ chứng chỉ để sản xuất; 20 năm qua Việt Nam phải nhập khẩu 70 – 80% tổng sản lượng gỗ cho chế biến, trong đó gỗ có chứng chỉ chiếm tỷ lệ rất lớn. Điểm thuận lợi cho rừng trồng ở Việt Nam là nhu cầu về gỗ rừng trồng có chứng chỉ ở Việt Nam cao, trong khi cả nước có diện tích rừng sản xuất lớn.

Bên cạnh những rào cản về kỹ thuật trong việc tuân thủ theo nguyên tắc và tiêu chí về quản lý rừng bền vững nhằm áp dụng thành công chứng chỉ rừng, thì trình độ và sự hiểu biết về QLRBV và chứng chỉ rừng (CCR) của các chủ rừng còn rất hạn chế. Việc chuyển đổi các phương thức quản lý truyền thống sang phương thức quản lý rừng bền vững đòi hỏi một loạt thay đổi về khuôn khổ chính sách ở cấp Trung ương, nhận thức, quan điểm và sự đồng thuận của người sản xuất, kinh doanh và người dân địa phương.

Do đó, việc xây dựng Sổ tay hướng dẫn cụ thể về trình tự các bước và kỹ thuật triển khai thực hiện QLRBV và CCR cho các chủ rừng là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Trong khuôn khổ dự án “Quản lý rừng bền vững và Thương mại lâm sản có trách nhiệm” được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 5089/QĐ-BNN-HTQT ngày 6/12/2016 có hoạt động hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng Sổ tay hướng dẫn thực hiện QLRBV và CCR cho rừng trồng. Đây là dự án nằm trong Chương trình rừng của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) Việt Nam.

GIỚI THIỆU CHUNG



Sổ tay hướng dẫn này được xây dựng nhằm:

(i) Hỗ trợ thực hiện mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển Lâm nghiệp, và phần nào giải quyết khó khăn thực tế trong thực hiện QLRBV và CCR;

(ii) Hướng dẫn cập nhật với những tiêu chuẩn FSC mới khi bộ tiêu chuẩn FSC của Việt Nam chưa chính thức được phê duyệt.

Để chủ rừng, các cán bộ quản lý rừng có thể tiếp cận với vấn đề QLRBV và CCR tương đối mới này, sổ tay hướng dẫn sẽ có 2 nội dung chính là: cơ sở lý thuyết và thực hiện. Phần cơ sở lý thuyết được trình bày ở Phần 1 (Khái quát về QLRBV và CCR) và Phần 2 (Hướng dẫn xây dựng Hệ thống quản lý rừng trồng bền vững hướng đến chứng chỉ rừng FSC). Ở Phần 2, sổ tay sẽ trình bày sơ bộ yêu cầu của tiêu chuẩn FSC theo 10 nguyên tắc chính và các hoạt động chủ rừng cần thực hiện nhằm đáp ứng được yêu cầu của 10 nguyên tắc và tiêu chí của FSC về QLRBV. Phần thực hiện được trình bày ở Phần 3. Phần này hướng dẫn các hoạt động (đã được giới thiệu ở Phần 2) nên được thực hiện như thế nào, những điều nên làm và không nên làm được thể hiện bằng hình ảnh trực quan sinh động. Phần 4 (phần cuối cùng của Sổ tay hướng dẫn) trình bày tóm tắt Quy trình xin cấp chứng chỉ, bao gồm các bước, trách nhiệm các bên và một số thông tin liên quan đến quyết định cấp chứng chỉ. ♦

MỤC LỤC



LỜI MỞ ĐẦU	1
GIỚI THIỆU CHUNG	3
MỤC LỤC	4
CHỮ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH, BẢNG VÀ SƠ ĐỒ	7

PHẦN 1:

KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG	9
--	---

1.1. Quản lý rừng bền vững	10
1.2. Chứng chỉ rừng	11
1.3. Chứng chỉ rừng tại Việt Nam	12

PHẦN 2:

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN CHỨNG CHỈ RỪNG FSC	15
--	----

2.1. Nguyên tắc #1: Tuân thủ Pháp luật	16
2.2. Nguyên tắc # 2: Quyền của Người lao động và Môi trường làm việc	18
2.3. Nguyên tắc #3: Quyền của người dân bản địa	20

2.4. Nguyên tắc #4: Quan hệ cộng đồng	23
2.5. Nguyên tắc #5: Các lợi ích từ rừng	24
2.6. Nguyên tắc #6: Giá trị môi trường và Các tác động	26
2.7. Nguyên tắc #7: Xây dựng kế hoạch quản lý	31
2.8. Nguyên tắc #8: Giám sát và Đánh giá	34
2.9. Nguyên tắc #9: Rừng có giá trị bảo tồn cao	38
2.10. Nguyên tắc #10: Thực hiện các hoạt động quản lý	40

PHẦN 3:

THỰC HIỆN	47
-----------	----

3.1. Tập huấn	48
3.2. Giám sát và đánh giá	50
3.3. Xây dựng hệ thống lưu giữ tài liệu	51
3.4. Chuẩn bị hiện trường	55

PHẦN 4:

QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG	65
------------------------------	----

4.1. Quy trình cấp chứng chỉ	66
4.2. Một số thông tin về quá trình cấp chứng chỉ	68

TÀI LIỆU THAM KHẢO	70
--------------------	----



CHỮ VIẾT TẮT

BHLĐ	Bảo hộ lao động
ĐDSH	Đa dạng sinh học
EIA	Đánh giá tác động môi trường
ENGO	Tổ chức phi chính phủ về môi trường
FAO	Tổ chức Nông Lương Liên Hiệp Quốc
FLEGT	Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản
FSC	Hội đồng Quản trị Rừng
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PAQLR	Phương án quản lý rừng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPE	Phương tiện bảo hộ cá nhân
QLCL	Quản lý chất lượng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
SIA	Đánh giá tác động xã hội
TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện song phương giữa EU và Việt Nam
WHO	Tổ chức y tế thế giới
WWF	Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên



DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH, BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

13	Biểu đồ 1. Diện tích rừng được chứng nhận FSC giai đoạn 2005 – 2016
52	Hình 1. Ví dụ về cách sắp xếp và lưu trữ tài liệu, hồ sơ
54	Bảng 1. Danh mục tài liệu trong một thư mục (ví dụ minh họa)
57	Bảng 2. Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phù hợp với các hoạt động Lâm nghiệp
66	Sơ đồ 1. Quy trình cấp chứng chỉ



SỔ TAY HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CHO RỪNG TRỒNG

PHẦN 01

KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG

Rừng keo có chứng chỉ FSC tại huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
© James Morgan / WWF-Việt Nam

1.1 QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Nạn phá rừng ở mức cao đã được các tổ chức môi trường, các chính phủ và công chúng quan tâm. Tại Hội nghị thượng đỉnh Rio Earth Summit vào năm 1992, việc không đạt được một thỏa thuận về rừng toàn cầu đã dẫn đến việc thành lập một hệ thống quản lý rừng - chứng chỉ rừng do Hội đồng Quản trị Rừng (FSC) quản lý.

FSC là tổ chức phi chính phủ, thành lập năm 1993, trụ sở chính đóng tại Bonn, Đức. FSC là hiệp hội của các thành viên là đại diện của các NGOs về môi trường và xã hội, chuyên gia lâm nghiệp, thương mại gỗ, tổ chức cấp chứng chỉ, v.v. FSC là tổ chức độc lập, không vì lợi nhuận, phi chính phủ được thành lập để thúc đẩy quản lý rừng bền vững trên toàn cầu. FSC thúc đẩy các doanh nghiệp và khách hàng lên tiếng về những sản phẩm rừng mà họ mua, và tạo ra thay đổi tích cực bằng cách kết nối sức mạnh của động lực thị trường (FSC, 2017a).

Các chương trình chứng chỉ rừng khác như Chương trình chứng chỉ rừng PEFC và các chương trình chứng nhận rừng khác như Hiệp hội Tiêu chuẩn Canada (CSA), Sáng kiến lâm nghiệp bền vững Hoa Kỳ và Canada (SFI), Hệ thống trang trại Hoa Kỳ (ATFS), Hội đồng chứng chỉ gỗ Malaysia (MTCC)... sau đó được phát triển bởi ngành công nghiệp rừng và chủ rừng chủ yếu từ Châu Âu và Bắc Mỹ. Trong số các chương trình chứng chỉ rừng, FSC là một trong số những chứng nhận phổ biến nhất (Brack 2008, Cashore và cộng sự, 2006).

Cộng đồng quốc tế, Chính phủ và các cơ quan chính phủ, các tổ chức môi trường, xã hội v.v. đòi hỏi các chủ sản xuất kinh doanh rừng phải chứng minh rằng rừng của họ đã được quản lý bền vững. Người tiêu dùng sản phẩm rừng đòi hỏi các sản phẩm lưu thông trên thị trường phải được khai thác từ rừng đã được quản lý bền vững. Người sản xuất muốn chứng minh rằng các sản phẩm rừng của mình đặc biệt là gỗ, được khai thác từ rừng đã được quản lý một cách bền vững. Chứng chỉ rừng được coi là công cụ mềm để thiết lập quản lý rừng bền vững nhằm vừa đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, vừa đảm bảo các mục tiêu về môi trường và

xã hội. Để xác nhận Quản lý rừng bền vững thì phải tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ rừng.

1.2 CHỨNG CHỈ RỪNG

Có hai loại chứng chỉ chính áp dụng cho các khu rừng đạt tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững và các sản phẩm Lâm nghiệp được chế biến, hình thành từ nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ, đó là:

i) Chứng chỉ FM (Forest Management Certificate) – Chứng chỉ Quản lý rừng: là chứng nhận cấp cho một hoặc các khu rừng xác định đã tuân thủ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan đến các tiêu chuẩn bền vững về môi trường, kinh tế và xã hội từ lúc trồng, quản lý đến khâu khai thác.

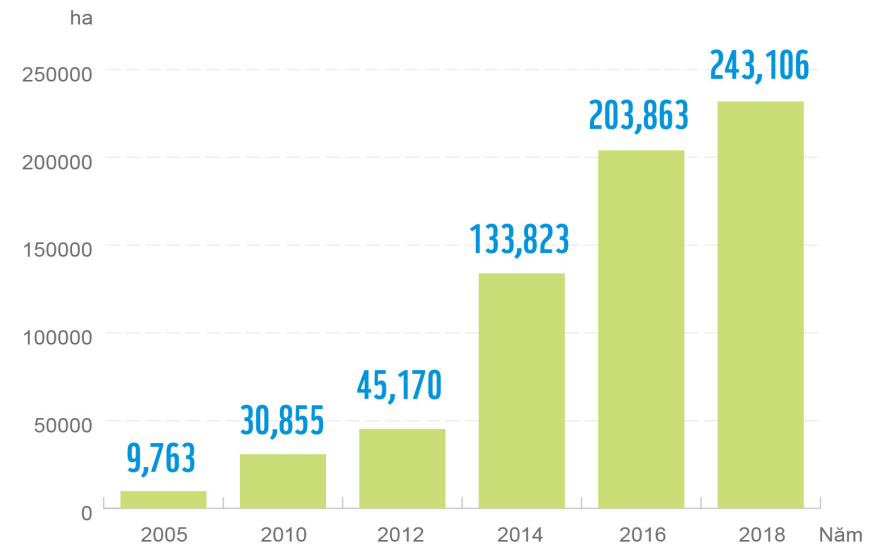
ii) Chứng chỉ CoC (Chain of Custody Certificate) – Chứng chỉ “Chuỗi hành trình sản phẩm”: là giấy chứng nhận cấp cho các tổ chức đã chứng minh được các sản phẩm chế biến từ gỗ được giao dịch từ các nguồn gốc đã được cấp chứng chỉ, các sản phẩm này có thể sử dụng nhãn FSC và dấu chứng nhận của tổ chức Chứng nhận.

Bên cạnh đó còn có chứng chỉ gỗ có kiểm soát (CW – Controlled Wood). Là chứng chỉ xác nhận gỗ hoặc nguyên liệu gỗ không phải từ các nguồn sau: i) Gỗ khai thác trái phép; ii) Gỗ khai thác vi phạm các quyền truyền thống và dân sự; iii) Gỗ khai thác từ các khu rừng mà hoạt động quản lý đe dọa các giá trị bảo tồn cao; iv) Gỗ khai thác trong các khu rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên và bán tự nhiên thành rừng trồng hoặc đất không có rừng; v) Gỗ từ rừng trong đó có trồng loài biến đổi gen. Gỗ có kiểm soát dùng để trộn với gỗ có chứng chỉ FM (thành FSC Mix/hoặc theo tỷ lệ pha trộn) khi chế biến thành sản phẩm.

1.3 CHỨNG CHỈ RỪNG TẠI VIỆT NAM

Chứng chỉ rừng đang phát triển rộng khắp trên toàn cầu như một biện pháp quản lý rừng bền vững và là công cụ hữu hiệu để chống nạn phá rừng và khai thác gỗ bất hợp pháp. Việt Nam, một trong những nước xuất khẩu sản phẩm gỗ lớn nhất, phải đối mặt với áp lực từ các thị trường có giá trị cao như EU và Hoa Kỳ đối với các sản phẩm gỗ có chứng chỉ. Việc có đủ nguồn gỗ có chứng chỉ là điều cần thiết cho sự sống còn của ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Chứng chỉ rừng đã được áp dụng ở Việt Nam từ những năm 2000 và được chính phủ coi là công cụ quản lý rừng bền vững. Chứng chỉ rừng là một trong những mục tiêu chính của Chiến lược lâm nghiệp 2006-2020 - 30% rừng sản xuất tương đương với khoảng 2 triệu ha đạt chứng chỉ rừng (Quyết định 18/2007/QĐ-TTg; Quyết định 3158/QĐ-BNN-TCLN-2016). Mặc dù tiềm năng diện tích rừng có thể được cấp chứng chỉ lớn và nhu cầu về gỗ được chứng nhận cho công nghiệp chế biến gỗ rất lớn. Tuy nhiên, diện tích rừng có chứng chỉ còn rất hạn chế: khoảng 15 chứng chỉ rừng FSC với tổng diện tích khoảng 243 nghìn ha tính đến tháng 5 năm 2018 (Biểu đồ 1). Ngoài rào cản về kỹ thuật, chi phí xây dựng hệ thống và đánh giá chứng chỉ rừng cũng là một vấn đề các chủ rừng quan tâm. Chi phí đánh giá chứng chỉ trung bình khoảng 50-60.000 Đô-la Mỹ cho 10.000 ha rừng. Chi phí này có thể dao động tùy thuộc loại chứng chỉ (đơn hay nhóm), loại rừng (tự nhiên hay rừng trồng), phân bố đơn vị quản lý rừng (tập trung hay phân tán) và đặc điểm rừng (có giá trị bảo tồn cao, lớn hơn 10 nghìn ha, và/hoặc có người dân bản địa v.v).



Biểu đồ 1. Diện tích rừng được chứng nhận FSC giai đoạn 2005-2018



SỐ TAY HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CHO RỪNG TRỒNG

PHẦN 02

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

2.1 NGUYÊN TẮC 1: TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Những hướng dẫn dưới đây nhằm xây dựng hệ thống nhằm đảm bảo 10 nguyên tắc và các tiêu chí của tiêu chuẩn FSC về quản lý rừng (FSC – STD – 01 – 001 phiên bản 5.2). Các yêu cầu chi tiết có thể tham khảo TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ RỪNG FSC VIỆT NAM V3.0 được Xây dựng dựa trên Bộ chỉ số chung toàn cầu FSC-STD-60-004 International Generic Indicators phiên bản 1.0.

Nguyên tắc này yêu cầu Chủ rừng phải duy trì và/hoặc cải thiện điều kiện kinh tế-xã hội của người lao động. Nhằm đảm bảo nguyên tắc 1, chủ rừng cần thực hiện các hoạt động sau:

- Tập hợp bằng chứng về việc thành lập tổ chức/công ty hợp pháp: Có đăng ký kinh doanh/giấy phép kinh doanh/Quyết định thành lập ban quản lý, v.v được cơ quan có thẩm quyền cấp và phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Tập hợp bằng chứng về quyền sử dụng đất hợp pháp: Hợp đồng thuê đất/ Giấy chứng nhận sử dụng đất/ Quyết định giao đất/ Bản đồ ranh giới
- Liệt kê và kèm theo bằng chứng (chứng từ) về nộp các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật mà tổ chức/công ty Lâm nghiệp phải có trách nhiệm nộp đầy đủ và đúng thời hạn như thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, các loại bảo hiểm y tế, xã hội, tai nạn, bảo hiểm lao động của tất cả người lao động của đơn vị và của các nhà thầu hoạt động trong khu vực rừng của đơn vị (thầu khoán trồng rừng, khai thác v.v). Bằng chứng của các việc nộp các loại thuế, phí này phải được lưu trữ đầy đủ hàng năm
- Tổ chức các đội tuần tra, bảo vệ rừng và xây dựng quy chế về quản lý, bảo vệ rừng và/hoặc quy chế phối hợp với cơ quan chức năng (xã, huyện, kiểm lâm, công an v.v.) để bảo vệ rừng khỏi tất cả các hoạt động trái phép. Trong đó, quy chế này cần có biện pháp phát hiện, ngăn ngừa, ghi chép, báo cáo và xử lý các vi phạm.
- Liệt kê, lưu giữ và thực hiện các công ước quốc tế mà Việt Nam

đã ký kết, Luật và VBQPPL có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Chú ý đến:

- + Các quy định thực thi bắt buộc, liên quan đến việc vận chuyển và thương mại lâm sản cả ở trong và ngoài đơn vị quản lý (ví dụ CBD, ITTA, CITES, v.v).
- + Các Công ước ILO số 29, 87, 97, 98, 100, 105, 111, 131, 138, 141, 142, 143, 155, 169 và 182 là yêu cầu tối thiểu cho chứng nhận. Quy tắc Thực hành của ILO về an toàn và Sức khoẻ trong Công tác Rừng; Khuyến nghị 135 năm 1970 của ILO về Lương tối thiểu cố định.
- + Lưu trữ các văn bản này (có thể ở dạng mềm), in ra những văn bản có liên quan trực tiếp và thường xuyên tra cứu sử dụng.
- + Đưa những yêu cầu của các công ước, Luật và VBQPPL pháp luật có liên quan vào thực hiện tại đơn vị quản lý.
- Xây dựng hệ thống cập nhật văn bản và phổ biến nội bộ.
- Tập huấn các quy định phù hợp cho các cán bộ có liên quan nhằm đảm bảo cán bộ có trách nhiệm phải nắm vững các điều luật quy định các hoạt động của họ cũng như các tiêu chuẩn hành nghề, các hướng dẫn và các thoả thuận.
- Xây dựng và thực hiện chính sách, cơ chế và quy trình nhằm xác định, ngăn ngừa và giải quyết những tranh chấp (có thể giải quyết không thông qua tòa án), liên quan đến các vấn đề về luật pháp hoặc tập quán, một cách kịp thời với sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng.
- Xây dựng, thực hiện, và công bố: Cam kết tuân thủ Luật chống tham nhũng, trong đó bao gồm không đưa và nhận hối lộ; và/hoặc các biện pháp chống tham nhũng phù hợp với quy mô, tần suất của hoạt động và mức độ rủi ro về tham nhũng.
- Xây dựng cam kết dài hạn tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, các chính sách và tiêu chuẩn có liên quan của FSC. Cam kết này cần có trong một tài liệu có sẵn, công khai, và có thể tiếp cận tự do. Ví dụ: trong phương án quản lý rừng tóm tắt công khai trên trang web của đơn vị và/hoặc gửi đến các bên liên quan.
- Đánh giá các mâu thuẫn giữa quy định của FSC và quy định pháp luật Việt Nam và đề xuất phương pháp giải quyết mâu thuẫn và/hoặc các nỗ lực nhằm tuân thủ quy định có yêu cầu cao hơn.